

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số: 07/2019/HC-PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 28/3/2019

“V/v khiếu kiện hành vi
hành chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Thắng

Bà Võ Thị Ngọc Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 06/2019/TLPT-HC ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “khiếu kiện hành vi hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2019 giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Đình C, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Số đường Trần C, quận T, thành phố Đ. Ông C có mặt

2. *Người bị kiện:* Chánh Thanh tra Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đ.
(Sau đây viết tắt là Chánh Thanh tra UBND quận T)

Địa chỉ trụ sở: Số đường Trần C, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt có lý do

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Ngọc Th, sinh năm: 19.... Địa chỉ: Số đường Phạm N, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt có lý do

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện Ông Nguyễn Đình C. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2018, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019 Ông Nguyễn Đình C trình bày:**

- Yêu cầu Tòa án giải quyết hành vi hành chính không thụ lý giải quyết khiếu nại theo Thông báo số 77/TB -TTr ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chánh thanh tra UBND quận T là trái quy định của pháp luật.

- Yêu cầu Tòa án giải quyết xử phạt hành vi hành chính đối với Chánh Thanh tra UBND quận T, thành phố Đ về hành vi trái pháp luật nêu trên.

Căn cứ mà Ông Nguyễn Đình C đưa ra để chứng minh yêu cầu khởi kiện là do Chánh Thanh tra UBND quận T không cung cấp Báo cáo số 126/BC-TTr ngày 12/9/2017 của Thanh tra UBND quận T là trái với nội dung trong Điều 34 của Luật Thanh tra năm 2010. Báo cáo số 126/BC-TTr ngày 12/9/2017 của Thanh tra UBND quận T có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, cụ thể ông là người đứng ra trực tiếp tố cáo đối với ông Trần Tấn L - Đội trưởng đội kiểm tra quy tắc đô thị quận T về hành vi như nội dung trong biên bản làm việc giải quyết đơn của ông ngày 06/9/2017, tại cơ quan Thanh tra UBND quận T.

Báo cáo này thuộc trường hợp tài liệu đã được giải mật nên đã hết liên quan đến bí mật nhà nước, vì trong Thông báo số 105/TB-UBND ngày 18/9/2017 đã căn cứ Báo cáo 126/BC-TTr ngày 12/9/2017. Nếu không cung cấp thì phải ban hành văn bản nêu rõ lý do, bản thân ông đã khiếu nại nhưng không được thụ lý giải quyết là trái với quy định, trong khi đó cùng một nội dung mà Thanh tra thành phố Đ đã thụ lý giải quyết cho ông.

Ngoài ra, thời điểm ông khiếu nại không căn cứ vào luật cung cấp thông tin, nhưng thực tế trong Nghị định số 13/CP đã có hiệu lực trước đó nên được áp dụng. Tại Điều 6 Hiến pháp quy định quyền dân chủ trực tiếp về việc tiếp cận thông tin của công dân là kết luận thanh tra mà Báo cáo số 126/BC-TTr là cơ sở để ra kết luận thanh tra nên cần công khai để ông được biết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông còn có ý kiến khác cho rằng: Quyết định số 1979/QĐ-UBND ngày 12/6/2013 của Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đ về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số AD 712299 cấp ngày 08/4/2006. Theo Điều 1 của Quyết định nêu trên là hợp lý, tuy nhiên tại Điều 2 của Quyết định không hợp lý, việc đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận T là không đúng theo Điều 25 của Nghị Định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ. Tôi đề nghị Tòa án thu thập giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mã số AD 712299 ngày 08/4/2009 do Ủy ban nhân dân quận T cấp cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị M tại nhà số ... Trần C, quận T, thành phố Đ và toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc cấp đất nêu trên của hộ ông T. Mục đích thu thập chứng cứ này để làm rõ các người khác có liên quan khác mà họ được hướng dẫn cấp.

Ngoài ra, ngày 12 và ngày 14/11/2018 ông còn có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là Kết luận giám định số 227/GĐ-HS, ngày 19/11/2013 của Phòng

kỷ thuật hình sự Công an TP Đ và Công văn số 703 ngày 17/8/2018 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận T.

Sau khi Tòa án công bố các tài liệu chứng cứ mới do người khởi kiện cung cấp và một số chứng cứ do Tòa án thu thập, vào ngày 12/11/2018 ông có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung cụ thể như sau:

Yêu cầu Tòa án hủy xác nhận như sau:

- Hủy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường X tại thời điểm ngày 12/12/1998 do lỗi xác nhận tổng diện tích 48,0m² đất và nhà gác lửng cho hộ ông Lê Tr, bà Trần Thị Ng là không có thực tế hiện trạng nhà và đất này.

- Hủy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường X tại thời điểm ngày 26/02/2001 do lỗi xác nhận nguồn gốc đất ở 48,0m² đất cho hộ ông Lê Tr, bà Trần Thị Ng là không có thực tế hiện trạng nhà và đất này.

- Hủy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường X tại thời điểm ngày 02/11/2005 do lỗi xác nhận địa chỉ nhà và đất cho hộ ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị M là không đúng.

- Hủy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường X tại thời điểm ngày 02/11/2005 do lỗi xác nhận sai trái lần thứ tư về nguồn gốc 32m² đất cho hộ ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị M là không có thực tế hiện trạng đất và nhà không phải của họ.

Do vậy, ông yêu cầu Chánh Thanh tra UBND quận T và Tòa án phối hợp xem xét đánh giá các văn bản có liên quan đến Ủy ban nhân dân phường X ký xác nhận cho các hộ là không hợp pháp, trái với Luật đất đai năm 1987, 1993, 1996, 2003, Nghị định năm 1994, 1996.

* Tại phiên tòa người bị kiện vắng mặt, tuy nhiên nội dung ý kiến của người bị kiện trong các biên bản đối thoại cụ thể như sau: Ngày 12/4/2018, Ông Nguyễn Đình C có đơn yêu cầu Thanh tra quận cung cấp Báo cáo số 126/BC-TTr ngày 12/9/2017 của Thanh tra quận về kết quả xác minh nội dung tố cáo của Ông Nguyễn Đình C. Trong đơn yêu cầu, Ông C viện dẫn Điều 39 Luật Thanh tra năm 2010 để đề nghị Chánh Thanh tra quận cung cấp tài liệu này. Tuy nhiên, Báo cáo số 126/BC-TTr ngày 12/9/2017 là tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước về độ Mật trong ngành Thanh tra theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2015/BCA ngày 27/01/2015 của Bộ Công an và là nội dung kết quả xác minh tố cáo của Thanh tra quận báo cáo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (người giải quyết tố cáo) theo quy định của pháp luật về tố cáo, đây là tài liệu nội bộ của cơ quan nhà nước.

Như vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 của Luật tố cáo năm 2011 thì việc lưu trữ, khai thác, sử dụng hồ sơ vụ việc tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trong đơn yêu cầu sao lục tài liệu, Ông C viện dẫn nguồn luật là Điều 39 Luật Thanh tra năm 2010 để được sao lục Báo cáo số 126/BC-TTr là không phù hợp, bởi vì phạm vi điều chỉnh của Luật Thanh tra quy định về tổ chức, hoạt động

thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân và Điều 39 quy định công khai kết luận thanh tra, trong khi Ông C không phải là đối tượng thanh tra.

Thực hiện Luật cung cấp thông tin bắt đầu thực hiện từ ngày 01/7/2018, khi đơn của Ông Nguyễn Đình C yêu cầu cung cấp là ngày 12/4/2018 sử dụng theo luật cung cấp thông tin là không đúng.

Khi Chánh thanh tra không đồng ý cung cấp báo cáo số 126/BC-TTr thì Ông Nguyễn Đình C yêu cầu trả lời bằng văn bản nhưng không có quy định nào thể hiện phải trả lời bằng văn bản cho Ông Nguyễn Đình C nên Chánh thanh tra không thực hiện việc trả lời bằng văn bản mà chỉ bút phê trong đơn yêu cầu.

Ông Trần Tấn L bị Ông Nguyễn Đình C tố cáo, báo cáo xác minh về nội dung tố cáo chỉ gửi trực tiếp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, căn cứ khoản 2 Điều 11 của Luật khiếu nại về việc các khiếu nại không được thụ lý giải quyết, nên Chánh Thanh tra ra thông báo không thụ lý giải quyết. Do đó việc khởi kiện của Ông Nguyễn Đình C là không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên án sơ thẩm đã tuyên và quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính;
- Căn cứ khoản 1 Điều 2; khoản 2 Điều 11; Điều 27 Luật khiếu nại.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Đình C về việc khiếu kiện hành vi hành chính không thụ lý giải quyết khiếu nại theo Thông báo số 77/TB-TTr ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chánh Thanh tra UBND quận T, thành phố Đ là trái quy định của pháp luật.

2. Hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại theo Thông báo số 77/TB - TTr, ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chánh Thanh tra UBND quận T, thành phố Đ là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 12 tháng 12 năm 2018 Ông Nguyễn Đình C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không

chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện – Ông Nguyễn Đình C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra lại tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đối với việc giải quyết vụ án. Sau khi nghị án thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Đ đã triệu tập hợp lệ đối với người bị khởi kiện là Chánh Thanh tra UBND quận T, thành phố Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Đặng Ngọc Th tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, Chánh Thanh tra UBND quận T, thành phố Đ; Ông Đặng Ngọc Th vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt Chánh Thanh tra UBND quận T, thành phố Đ, Ông Đặng Ngọc Th.

[2] Đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Đình C khởi kiện hành vi hành chính không thụ lý giải quyết khiếu nại theo Thông báo số 77/TB -TTr ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chánh Thanh tra UBND quận T, việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Ông Nguyễn Đình C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo cho rằng án sơ thẩm xử bác đơn khởi kiện về việc khiếu kiện hành vi hành chính không thụ lý giải quyết khiếu nại theo Thông báo số 77/TB-TTr ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chánh Thanh tra UBND quận T, TP Đ là trái quy định của pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Đình C, Hội đồng xét xử nhận định: Về trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu của Chánh thanh UBND quận T, khi nhận được khiếu nại của Ông Nguyễn Đình C từ Hội đồng nhân dân quận T chuyển đến ngày 06/6/2018 thì ngày 11/6/2018 Chánh Thanh tra UBND quận T đã ra thông báo số 77/TB-TTr, là đúng trình tự thời gian quy định tại Điều 27 Luật khiếu nại năm 2011. Về căn cứ để Chánh thanh tra UBND quận T không thụ lý giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Đình C thì thấy: Quy định tại khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 thì “*Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ công chức theo thủ tục do Luật này quy định đề nghị Cơ quan tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của Cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong Cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công*

chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình” và Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý giải quyết: “...Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại”. Xét về quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại là Ông Nguyễn Đình C hoàn toàn không bị ảnh hưởng, khi hành vi hành chính của người có thẩm quyền là Chánh Thanh tra UBND quận T không thụ lý giải quyết khiếu nại, bởi vì nội dung tố cáo ông Trần Tấn L - Đội trưởng Đội kiểm tra quy tắc đô thị quận T được ông cho là thiếu trách nhiệm, xuyên tạc công văn của UBND thành phố khi tham mưu ban hành Quyết định số 3953/QĐ-CC ngày 18/12/2013, mặc dù ông là người đứng ra tố cáo nhưng nội dung tố cáo của ông đã được Ủy ban nhân dân quận T thông báo cho ông bằng Thông báo số 105/TB-UBND ngày 18/9/2017, nội dung thông báo đã căn cứ vào kết quả xác minh và xác định nội dung tố cáo của ông đối với ông Trần Tấn L là không có căn cứ, việc ông Trần Tấn L - Đội trưởng Đội kiểm tra quy tắc đô thị quận T đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định số 3953/QĐ-CC ngày 18/12/2013 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Lê Tr là đúng. Như vậy, quyền lợi của Ông C đã được đảm bảo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Luật tố cáo, về quyền của người tố cáo là được thông báo kết quả giải quyết tố cáo khi có yêu cầu.

Đối với các yêu cầu khởi kiện bổ sung của Ông Nguyễn Đình C, sau khi Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý và đã được công bố các tài liệu chứng cứ, bao gồm:

- Hủy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường X tại thời điểm ngày 12/12/1998 do lỗi xác nhận tổng diện tích 48,0m² đất và nhà gác lững cho hộ ông Lê Tr, bà Trần Thị Ng là không có thực tế hiện trạng nhà và đất này.

- Hủy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường X tại thời điểm ngày 26/02/2001 do lỗi xác nhận nguồn gốc đất ở 48,0m² đất cho hộ ông Lê Tr, bà Trần Thị Ng là không có thực tế hiện trạng nhà và đất này.

- Hủy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường X tại thời điểm ngày 02/11/2005 do lỗi xác nhận địa chỉ nhà và đất cho hộ ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị M là không đúng.

- Hủy xác nhận của Ủy ban nhân dân phường X tại thời điểm ngày 02/11/2005 do lỗi xác nhận sai trái lần thứ tư về nguồn gốc 32m² đất cho hộ ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị M là không có thực tế hiện trạng đất và nhà không phải của họ.

Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã nhận định những yêu cầu khởi kiện bổ sung nói trên của Ông Nguyễn Đình C là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không chấp nhận, là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Đình C, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Đình C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên Ông Nguyễn Đình C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xác định tư cách tham gia tố tụng và đưa Ông Đặng Ngọc Th - Nguyên Chánh Thanh tra UBND quận T, thành phố Đ tham gia với tư cách là người bị khởi kiện là không đúng theo quy định tố tụng. Bởi hành vi hành chính không thụ lý giải quyết khiếu nại theo Thông báo số 77/TB -TTr ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chánh Thanh tra UBND quận T, đây là hành vi của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước theo khoản 3 Điều 3 Luật tố tụng hành chính mà trong vụ án này là Chánh Thanh tra UBND quận T chứ không phải là Ông Đặng Ngọc Th - Nguyên Chánh Thanh tra UBND quận T, thành phố Đ. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ông Nguyễn Đình C cũng xác nhận ông khởi kiện là Chánh Thanh tra UBND quận T. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm vấn đề này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của Ông Nguyễn Đình C. Giữ nguyên bản án số 01/2018/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2. Án phí phúc thẩm Ông Nguyễn Đình C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí Ông Nguyễn Đình C đã nộp theo biên lai thu số 0004476 ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Anh

